

1 Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

- Nhận biết sản phẩm
- Tên thương mại: **UNIFIX**
- Mã sản phẩm: 205408
- Mục đích sử dụng hóa chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng
Không có thông tin liên quan.
- Ứng dụng của hóa chất / hỗn hợp Keo dán gạch
- Chi tiết về nhà cung cấp phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
- Nhà sản xuất/Nhà cung cấp:
SCHOMBURG GmbH
Aquafinstr. 2-8
D-32760 Detmold
Đức

Tel: ++49 (0)5231/953-00
Fax: ++49 (0)5231/953-123
email: info@schomburg.de
web: www.schomburg.de
- Phòng thông tin:
Phòng An toàn Sản phẩm

Tel: ++49 (0)5231/953-193
Fax: ++49 (0)5231/953-106
email: guido.herfort@schomburg.de

2 Nhận biết nguy hiểm

- Phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp
- Phân loại theo Quy định (EC) Số 1272/2008



GHS05 ăn mòn

Eye Dam. 1 H318 Gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.



GHS07

Skin Irrit. 2 H315 Gây kích ứng da.

Skin Sens. 1 H317 Có thể gây dị ứng da.

- STOT SE 3 H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.

- Phân loại theo Chỉ thị 67/548/EEC hoặc Chỉ thị 1999/45/EC



Xi; Kích ứng

- R37/38-41: Gây kích ứng da và hệ hô hấp. Có nguy cơ gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.

- Thông tin về các nguy hiểm cụ thể cho người và môi trường:

Liên tục hít phải bụi sản phẩm có thể gây hại cho sức khỏe.

- Hệ thống phân loại:

Phân loại loại phù hợp với các danh mục EC hiện hành. Tuy nhiên, được mở rộng dựa trên các thông tin kỹ thuật và thông tin từ nhà cung cấp.

- Thành phần nhân

- Dán nhãn theo Quy định (EC) số 1272/2008

- Sản phẩm được phân loại và ghi nhãn theo quy định CLP.

- Biểu tượng nguy hiểm GHS05, GHS07

- Từ báo hiệu Nguy hiểm

(Xem tiếp ở trang 2)

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **UNIFIX**

(Tiếp theo trang 1)

- **Các thành phần cảnh báo nguy hiểm ghi trên nhãn:**
Xi măng, xi măng póc lan, hóa chất canxi đi hydroxit
- **Cảnh báo nguy hiểm**
H315 Gây kích ứng da.
H318 Gây tổn thương mắt nghiêm trọng.
H317 Có thể gây dị ứng da.
H335 Có thể gây kích ứng đường hô hấp.
- **Biện pháp phòng ngừa**
P261 Tránh hít bụi/khói/khí/sương mù/hơi/bụi nước.
P280 Đeo găng tay bảo vệ/mặc quần áo bảo hộ/đeo thiết bị bảo vệ mắt/thiết bị bảo vệ mặt.
P305+P351+P338 **NẾU VÀO MẮT:** Rửa sạch bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng, nếu có đeo và để dễ vệ sinh mắt. Tiếp tục rửa sạch.
P321 Đặc trị (xem nhãn sản phẩm).
P405 Bảo quản tại khu vực được khóa an toàn.
P501 Tiêu hủy các thành phần/thùng chứa theo quy định của địa phương/khu vực/quốc gia/quốc tế.
- **Các mối nguy hiểm khác**
- **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
- **PBT:** Không áp dụng.
- **vPvB:** Không áp dụng.

3 Thành phần/Thông tin về các phụ liệu

- **Đặc tính hóa học:** Hỗn hợp
 - **Mô tả:** Sản phẩm gốc xi măng và chất độn khoáng.
 - **Các thành phần nguy hiểm:**
-
- CAS: 65997-15-1 Xi măng, xi măng poclan, hóa chất 25-50%
EINECS: 266-043-4 ☒ Xi R37/38-41; ☒ Xi R43
☞ Eye Dam. 1, H318; ☠ Skin Irrit. 2, H315; Skin Sens. 1, H317;
STOT SE 3, H335

4 Các biện pháp sơ cứu

- **Mô tả các biện pháp sơ cứu**
- **Thông tin tổng quan** Bảo hộ cá nhân cho nhân viên sơ cứu.
- **Sau khi hít phải** Cung cấp không khí sạch; tham vấn bác sĩ nếu xuất hiện triệu chứng.
- **Sau khi tiếp xúc với da** Rửa ngay bằng nước và xà phòng và rửa thật kỹ.
- **Sau khi tiếp xúc với mắt** Giữ mắt mở và rửa liên tục trong vài phút dưới dòng nước đang chảy. Nếu triệu chứng kéo dài, tham vấn bác sĩ.
- **Sau khi nuốt phải** Uống nhiều nước và hít thở không khí trong lành; yêu cầu trợ giúp về y tế ngay.
- **Thông tin dành cho bác sĩ điều trị**
- **Các triệu chứng và ảnh hưởng quan trọng nhất, cả cấp tính và mãn tính**
Không có thông tin liên quan.
- **Dấu hiệu cần phải được chăm sóc y tế và điều trị đặc biệt ngay**
Không có thông tin liên quan.

5 Các biện pháp chữa cháy

- **Các phương tiện chữa cháy**
- **Các chất dập lửa phù hợp**
Sản phẩm không cháy.
Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với môi trường.
- **Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hóa chất hoặc hỗn hợp** Không có thông tin liên quan.
- **Chỉ dẫn cho nhân viên chữa cháy**
- **Thiết bị bảo hộ:** Đeo bình khí thở (SCBA).

(Xem tiếp ở trang 3)

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: UNIFIX

(Tiếp theo trang 2)

- **Thông tin bổ sung** Tuân thủ kế hoạch ứng phó khẩn.

6 Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

- **Các biện pháp phòng ngừa cá nhân, thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn**
Mặc trang phục bảo hộ lao động.
Tránh tiếp xúc với mắt và da.
Bảo đảm thông gió đầy đủ
Tránh gây ra bụi.
- **Bảo vệ môi trường:** Không để sản phẩm chảy vào hệ thống thoát nước, các hồ và hầm chứa.
- **Các biện pháp và vật liệu dùng để thu dọn và vệ sinh:**
Làm sạch bằng máy để tránh tạo bụi.
- **Các mục tham khảo khác**
Xem Mục 13 để biết thông tin về tiêu hủy chất thải.

7 Xử lý và Cát giữ

- **Xử lý**
- **Các biện pháp phòng ngừa để xử lý an toàn**
Bảo đảm thông gió/thoát khí tốt tại nơi làm việc
Tránh tạo thành bụi.
Chỉ sử dụng ở những khu vực thông gió tốt
Đề xa tầm với của trẻ em.
Không lưu trữ các bình chứa đã mở.
Không để đồ ăn ở khu vực làm việc.
- **Thông tin về các biện pháp phòng chống cháy nổ:** Không yêu cầu biện pháp đặc biệt nào.
- **Các điều kiện để cất giữ an toàn, bao gồm cả điều kiện không tương thích**
- **Cất giữ**
- **Các yêu cầu đối với phòng bảo quản và thùng chứa:**
Bảo quản ở nơi mát mẻ.
Không để hở thùng chứa.
Không bảo quản ở phòng sinh hoạt chung.
- **Thông tin về cất giữ trong điều kiện bảo quản thông thường:**
Cất giữ xa thực phẩm.
Đề nghị tuân thủ các qui tắc của VCI-Bảo quản-Khái niệm đối với hóa chất.
- **Thông tin bổ sung về điều kiện bảo quản:** Chống ẩm và để xa nước.
- **Chỉ định riêng** Không có thông tin liên quan

8 Kiểm soát phơi nhiễm/bảo hộ cá nhân

- **Thông tin bổ sung về thiết kế của các hệ thống kỹ thuật:**
Phải có điều kiện vệ sinh da ở nơi làm việc.
Phải có sẵn chai nước rửa mắt.
- **Thông số kiểm soát**
- **Các thành phần có giá trị tối hạn cần phải theo dõi tại nơi làm việc:**
- 65997-15-1 Xi măng, xi măng póc lan, các hóa chất (25-50%)**
WEL Giá trị dài hạn: $10 \cdot 4^{**} \text{ mg/m}^3$
*bụi có thể hít phải **bụi có thể hít thở vào được
- 1305-62-0 canxi đi hydroxit (< 1%)**
WEL Giá trị dài hạn: 5 mg/m^3
- **Thông tin bổ sung:** Các danh mục có hiệu lực trong quá trình biên soạn được sử dụng làm thông tin cơ sở.
- **Kiểm soát phơi nhiễm**
- **Thiết bị bảo hộ cá nhân**
- **Tổng quan các biện pháp vệ sinh và bảo hộ**
Tuân thủ các biện pháp phòng ngừa thông thường trong xử lý hóa chất.

(Xem tiếp ở trang 4)

Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
theo Quy định số 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Trade name: **UNIFIX**

(Tiếp theo trang 3)

Rửa sạch da trước giờ nghỉ và cuối giờ làm.

Đề xa thực phẩm, đồ uống, đồ ăn.

Tránh tiếp xúc với mắt và da.

Không ăn uống hoặc hút thuốc trong khi làm việc.

· **Thiết bị thở:** Không yêu cầu.

· **Bảo vệ tay:** Găng tay bông- cao su nitril

· **Chất liệu làm găng tay** Găng tay bông cao su nitril.

· **Thời gian thấm của chất liệu làm găng tay**

Thời gian mòn thủng chính xác phải do nhà sản xuất cung cấp và phải được theo dõi.

· **Bảo vệ mắt:** Kính bảo vệ mắt kín chuyên dụng.

· **Bảo vệ cơ thể:**

Mặc trang phục bảo hộ lao động.

Sử dụng trang phục bảo vệ cơ thể có ống tay dài và kín để tránh bụi.

Sử dụng kem dạng mỡ để bảo vệ da ở tất cả các bộ phận không che chắn được trên cơ thể

9 Các đặc tính lý, hóa

· Thông tin về các đặc tính lý hóa cơ bản

· **Tổng quan**

· **Tính chất vật lý:**

Thế: Bột

Màu sắc: Xám

· **Mùi:** giống xi măng

· **Thay đổi trong điều kiện**

Điểm nóng chảy/Phạm vi nóng chảy: Chưa xác định

Điểm sôi/Phạm vi sôi: Chưa xác định

· **Điểm bùng cháy:** Không áp dụng

· **Khả năng tự cháy:** Sản phẩm không tự bốc cháy.

· **Nguy cơ cháy nổ:** Sản phẩm không có nguy cơ cháy nổ.

· **Tỷ trọng**

Tỷ trọng biểu kiến ổn định 1,450 kg/dm³

· **Độ hòa tan trong /Khả năng hòa lẫn với**

Nước: hòa tan

· **Thông tin khác** Không có thông tin liên quan.

10 Độ ổn định và Hoạt tính

· **Hoạt tính**

· **Độ ổn định hóa học**

· **Phân hủy do nhiệt/ các điều kiện cần tránh:**

Không phân hủy nếu sử dụng đúng theo chỉ dẫn kỹ thuật.

· **Khả năng xảy ra các phản ứng nguy hiểm** Chưa có phản ứng nguy hiểm nào được biết đến

· **Điều kiện cần tránh** Không có thông tin liên quan.

· **Vật liệu không tương thích:** Không có thông tin liên quan.

· **Sản phẩm phân hủy nguy hiểm:** Chưa có sản phẩm phân hủy nào được biết đến

GB

(Xem tiếp ở trang 5)

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **UNIFIX**

(Tiếp theo trang 4)

11 Thông tin về Độc tính

- Thông tin về các ảnh hưởng độc hại
 - **Độc tính cấp:**
 - **Các giá trị LD/LC50 phù hợp để phân loại:**
- 544-17-2 Canxi foc-miat**
Đường LD50 3050 mg/kg (rat)
- **Ảnh hưởng kích ứng chính:**
 - **trên da:** Kích ứng cho da và màng nhầy niêm mạc.
 - **trên mắt:** Gây kích ứng.
 - **Mẫn cảm:** Chưa có trường hợp mẫn cảm nào được biết đến.
 - **Thông tin độc tính bổ sung:**
Theo phương pháp tính toán trong Hướng dẫn Phân loại Tổng quan cho các Chế phẩm của EC - phiên bản hiện hành mới nhất, sản phẩm có những mối nguy hiểm sau:
Gây kích ứng

12 Thông tin Sinh thái

- **Độc tính**
 - **Độc tính thủy sinh:**
- 544-17-2 Canxi foc-miat**
LC 0 (96h) 1000 mg/l (cá ngựa vằn)
48h / 1000 mg/l (cá vàng)
- **Sự tồn lưu và khả năng phân hủy** Không có thông tin liên quan.
 - **Diễn biến trong các hệ môi trường:**
 - **Tiềm năng tích lũy sinh học** Không có thông tin liên quan.
 - **Độ linh động trong đất** Không có thông tin liên quan.
 - **Các ảnh hưởng độc sinh thái:**
- 544-17-2 Canxi foc-miat**
EC 50 10.000 mg/l (độc đối với vi khuẩn)
- **Thông tin sinh thái bổ sung:**
 - **Lưu ý chung:**
Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước Nhóm 1 (Tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
 - **Kết quả thẩm định PBT và vPvB**
 - **PBT:** Không áp dụng.
 - **vPvB:** Không áp dụng.

13 Những lưu ý khi tiêu hủy

- **Các biện pháp xử lý chất thải**
 - **Khuyến nghị**
Không được tiêu hủy chung với rác thải sinh hoạt. Không để sản phẩm chảy vào hệ thống thoát nước.
 - **Danh mục chất thải của Ủy ban Châu Âu**
- 17 00 00 CHẤT THẢI XÂY DỰNG VÀ PHÁ DỠ (BAO GỒM ĐẤT ĐÀO Ở CÁC KHU VỰC BỊ Ô NHIỄM)
- 17 01 00 bê tông, gạch xây, gạch lát, sành sứ
- 17 01 01 bê tông
- 10 00 00 chất thải từ các quá trình nhiệt
- 10 12 00 chất thải từ sản xuất các sản phẩm sành sứ, gạch xây, gạch lát và các vật liệu xây dựng
- 10 12 03 các hạt và bụi

(Xem tiếp ở trang 6)

GB

Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
theo Quy định số 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: **UNIFIX**

(Tiếp theo trang 5)

- Bao bì chưa làm sạch:
- **Khuyến nghị: Phải** tiêu hủy theo các quy định chính thức.
- **Chất làm sạch khuyến nghị:** Nước, dùng thêm chất tẩy rửa nếu cần.

14 Thông tin về vận chuyển

- | | |
|--|---|
| · Mã LHQ (UN) | |
| · ADR, ADN, IMDG, IATA | Không có thông tin |
| · Tên vận chuyển theo qui ước của LHQ | |
| · ADR | Không có thông tin |
| · ADN, IMDG, IATA | Không có thông tin |
| · Phân loại nguy hiểm khi vận chuyển | |
| · ADR, ADN, IMDG, IATA | |
| · Phân loại | Không có thông tin |
| · Nhóm bao bì | |
| · ADR, IMDG, IATA | Không có thông tin |
| · Nguy hiểm với môi trường: | Không áp dụng. |
| · Các biện pháp phòng ngừa đặc biệt cho người sử dụng | Không áp dụng. |
| · Vận chuyển với khối lượng lớn theo Phụ lục II của MARPOL73/78 và Quy tắc IBC | Không áp dụng. |
| · Vận chuyển/Thông tin thêm: | Không nguy hiểm theo các tiêu chuẩn trên. |
| · "Quy định mẫu" của LHQ: | - |

15 Thông tin pháp luật

- Các quy định/pháp chế cụ thể về môi trường, sức khỏe và an toàn lao động đối với hóa chất hoặc hỗn hợp
- Các quy định quốc gia
- **Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước:**
Phân loại nguy hiểm cho môi trường nước Nhóm 1 (tự đánh giá): gây nguy hiểm nhẹ cho nước.
Phân loại dựa trên các hướng dẫn của Đức.
- **Thẩm định an toàn hóa chất:** Chưa tiến hành thẩm định an toàn hóa chất.

16 Thông tin khác

Dữ liệu này được biên soạn dựa trên vốn kiến thức mới nhất của chúng tôi. Dữ liệu không tuyên bố sự bảo đảm cho bất kỳ thuộc tính cụ thể nào của sản phẩm và không thiết lập mối quan hệ hợp đồng có giá trị pháp lý nào.

- **Nhóm/Cụm từ liên quan**
H315 Gây kích ứng da.
H317 Có thể gây phản ứng dị ứng cho da.
H318 Gây tổn thương nghiêm trọng cho mắt.
H335 Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.

R37/38 Gây kích ứng cho hệ hô hấp và da.
R41 Nguy cơ tổn thương mắt nghiêm trọng.
R43 Có thể gây mẫn cảm khi tiếp xúc với da.
- **Bộ phận phát hành bảng dữ liệu kỹ thuật:** Phòng Bảo vệ Môi trường.
- **Liên hệ:** Ông Guido Herfort
- **Từ và cụm từ viết tắt:**
ADR: Accord européen sur le transport des marchandises dangereuses par Route (Quy định vận tải đường bộ châu Âu đối với Hàng hóa Nguy hiểm)

(Xem tiếp ở trang 7)

Phiếu dữ liệu an toàn vật liệu
theo Quy định số 1907/2006/EC, Điều 31

Ngày in 26.05.2014

Phiên bản 5

Ngày hiệu chỉnh: 26.05.2014

Tên thương mại: UNIFIX

(Tiếp theo trang6)

IMDG: Bộ Luật Hàng Hải Quốc Tế Về Hàng Hóa Nguy Hiểm
IATA: Hiệp hội Vận Tải Hàng không Quốc tế
GHS: Hệ Thống Hải Hoà Toàn Cầu Về Phân Loại Và Ghi Nhận Hóa Chất
EINECS: Danh Mục các Hóa Chất Thương Mại Hiện Hành Của Châu Âu
ELINCS: Danh Mục Các Hóa Chất Đã Thông Báo Của Châu Âu
CAS: Phòng Ngâm Chiết Hóa Chất (cơ quan trực thuộc Hiệp hội Hóa chất Hoa Kỳ)
LC50: Nồng độ gây chết người, 50%
LD50: Liều lượng gây chết người, 50%
Skin Irrit. 2: Ăn mòn/Kích ứng da, Phân loại Nguy hiểm nhóm 2
Eye Dam. 1: Tổn thương mắt/Kích ứng mắt nghiêm trọng, Phân loại Nguy hiểm nhóm 1
Skin Sens. 1: Mẫn cảm - Da, Phân loại Nguy hiểm nhóm 1
STOT SE 3: Độc tính trên cơ quan đích cụ thể - Phơi nhiễm đơn, Phân loại Nguy hiểm nhóm 3

· * **Dữ liệu có sửa đổi so với phiên bản trước.**

GB